TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 01 /2019/DS-ST
Ngày: 28 – 01 – 2019

"V/việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Đạt.

Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Quang Thận;

2. Ông Phan Văn Quý.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan, cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

1.Ông Trần Bá Sơn, kiểm sát viên;

2. Bà Nguyễn Thị Phương, kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 01 năm 2019 và ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2018 Về tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01năm 2019 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Yên P; sinh năm: 1972. Địa chỉ: 23 Trần Văn K, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt);

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963; Địa chỉ: 21, Bảo Q, phường Phường Đ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Phương Hồng, sinh năm: 1964. Địa chỉ 1242 (số cũ 446) Nguyễn Tất T, phường phú B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt);

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (ông Lê Văn Xê đã chết):*

1. Bà Lê Phương H và là người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, anh Lê Anh Đ vắng mặt (theo giấy ủy quyền ngày 26/7/2018);

2. Anh Lê Anh T ; sinh năm 1987; Địa chỉ: 1242 (số cũ 446) Nguyễn Tất T, phường phú B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt);

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960. Địa chỉ: 23 Bảo Q, Phường P, thành phố Huế (có mặt);

2. Bà Lê Thị Hà Đ, sinh năm: 1962. Địa chỉ: 23 Bảo Q, Phường Phường Đ, thành phố Huế (Ủy quyền cho ông H, theo giấy ủy quyền ngày 25/5/2018) vắng mặt;

3. Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm: 1986. Địa chỉ: 23 Bảo Q, Phường Phường Đ, thành phố Huế (Ủy quyền cho ông H, theo giấy ủy quyền ngày 28/6/2018) vắng mặt;

4. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1978. Địa chỉ: 23, Trần Văn K, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Ủy quyền cho ông Ph, theo giấy ủy quyền ngày 04/7/2018) vắng mặt;

5. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1968. Địa chỉ: 21, Bảo Q, phường Phường Đ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Ủy quyền cho ông D, theo giấy ủy quyền ngày 28/6/2018) vắng mặt;

6. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1987. Địa chỉ: 21, Bảo Q, phường Phường Đ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Ủy quyền cho ông D, theo giấy ủy quyền ngày 28/6/2018 cho ông Nguyễn Văn D) vắng mặt;

7. Anh Nguyễn Văn Hoàng L, sinh năm: 1992. Địa chỉ: 21, Bảo Q, phường Phường Đ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Ủy quyền cho ông D, theo giấy ủy quyền ngày 28/6/2018) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2014 và lời khai của nguyên đơn là ông Nguyễn Yên P và ông Nguyễn Văn D trình bày: Vào ngày 15/02/2010, ông Nguyễn Yên P, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn H thành lập nhóm hộ nuôi trồng thủy sản gồm và đặt tên nhóm hộ ông Nguyễn Văn H để xin dự án nuôi trồng thủy sản.

Ngày 10/01/2011 được Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa thiên Huế cấp giấy quyền sử dụng đất số BC 302572 cho Nhóm hộ ông Nguyễn văn H, thửa đất tọa lạc tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 17 xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế có diện tích 150.000 m^2; hình thức sử dụng chung; mục đích: Đất nuôi trồng thủy sản; thời hạn sử dụng đến ngày 19/8/2030; nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm.

Đến ngày 01/01/2012 vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Hà Đ đứng ra ký hợp đồng thỏa thuận "Hợp tác đầu tư nuôi trồng thủy sản" với vợ chồng ông Lê Văn X và bà Lê Phương H.

Việc ông H bà Đ đứng ra ký hợp tác đàu tư với vợ chồng ông X bà H đã ảnh hưởng quyền lợi của nhóm hộ ông Nguyễn Yên P và nhóm hộ ông Nguyễn Văn D, nên ông P và ông D khởi kiện vợ chồng ông Lê Văn X và bà Lê Phương H để yêu cầu Tòa án Hủy hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 01/01/2012 giữa vợ chồng ông ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Hà Đ và vợ chồng ông Lê Văn X, bà Lê Phương H.

Đồng thời yêu cầu ông Lê Văn X, bà Lê Phương H hoàn trả lại toàn bộ diện tích 150.000 m^2 tọa lạc tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 17 xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quá trình giải quyết vụ án, đến ngày 05/10/2018 ông Nguyễn Yên Pg và ông Nguyễn văn D rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu "Hủy hợp đồng hợp tác đầu tư nuôi trồng thủy sản, ký ngày 01/01/2012 giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Hà Đ với vợ chồng ông Lê Văn X, bà Lê Phương H. Qua xem xét đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã chấp nhận và ban hành Quyết định số: 23/2018/QDST-DS ngày 08/10/2018 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

Phía bị đơn bà Lê Phương H đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn X trình bày: Vào ngày 01/01/2012 vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Hà Đ đã đứng ra ký hợp đồng thỏa thuận "Hợp tác đầu tư nuôi trồng thủy sản" với vợ chồng tôi. Trước khi ký kết hợp đồng vợ chồng tôi đã kiểm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chúng tôi dự định hợp tác đầu tư chỉ mang tên nhóm hộ ông Nguyễn Văn H do vậy việc vợ chồng tôi hợp tác đầu tư nuôi trồng thủy sản với ông H và bà Đ thì không liên quan gì đến ông P và ông D. Nên ông P, ông D không có quyền yêu cầu hủy hợp đồng hợp tác ngày 01/01/2012.

Về yêu cầu đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, theo tôi được biết đến ngày 18/09/2017 ông P và ông D mới được cấp quyền sử dụng đất bổ sung. Tuy nhiên giữa vợ chồng tôi với vợ chồng ông H đã ký kết hợp đồng thỏa thuận (Hợp tác đầu tư nuôi trồng thủy sản) trên thửa đất nêu trên vào ngày 01/01/2012 là sự tự nguyện của các bên, chứ vợ chồng tôi không chiếm dụng đất của ông P, ông D do vậy tôi không đồng ý với yêu cầu của ông P và ông D. Ngoài ra tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 01/2018/QD-BPKCTT ngày 12/10/2018 (Thông báo số sữa chữa, bổ sung quyết định số 1468/TB-TA ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền).

Về việc ông D và ông P rút một phần yêu cầu khởi kiện về "Hủy hợp đồng hợp tác đầu tư" thì tôi không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu phản tố.

Ý kiến của anh Lê Anh T (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn X) trình bày: Về yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Yên P và ông Nguyễn Văn D thì tôi không đồng ý, vì lý do: bố mẹ tôi ký hợp đồng với ông H, bố mẹ tôi góp vốn 15 tỷ đồng bao gồm xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật; phía ông H

góp vốn là 15 ha đất, quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận trước đây là của ông Nguyễn Văn H do vậy bố mẹ tôi cũng không thuê mướn hay lấn chiếm đất của ông P, ông D. Ngoài ra anh T cùng nhất trí như ý kiến của bà H..

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H trình bày: vào tháng 3 năm 2010 tôi cùng ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Yên P thành lập nhóm hộ nuôi trồng thủy sản và xin thuê 150 000 m^2 đất cát trên biển tại xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. 10/01/2011 UBND huyện Phong Điền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên nhóm hộ ông Nguyễn Văn H (Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 17). Sau khi được cấp giấy chứng nhận, tôi đã đứng ra ký kết hợp đồng hợp tác nuôi trồng thủy sản với ông Lê Văn X, bà Lê Phương H. Vào khoảng tháng 3/2013 nhóm hộ chúng tôi có họp để đề nghị đưa bà H vợ của ông X vào nhóm hộ để cùng làm ăn. Tuy nhiên việc làm thủ tục chưa hoàn thành thì vợ chồng ông X vi phạm các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết trước đó, nên chúng tôi thống nhất không kết nạp bà H vào nhóm hộ nữa. Đến tháng 6/2015 phòng tài nguyên và môi trường đã yêu cầu tôi cùng ông Nguyễn Yên P và ông Nguyễn Văn D đến làm việc để làm thủ tục điều chỉnh và 18/09/2017 sở tài nguyên và môi trường đã cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chúng tôi.

Nay việc ông P và ông D khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng hợp tác đầu tư và buộc vợ chồng ông X trả lại đất cho nhóm hộ thì tôi đề nghị tòa án xem xét theo thẩm quyền để đảm bảo công bằng cho các bên.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành huyện Phong Điền có ý kiến: Quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự đều chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đối với ông Nguyễn Yên P tại phiên tòa đã rút yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất với ông Lê Văn X và bà Lê Phương H, việc rút đơn của ông P là tự nguyện nên cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D thấy rằng: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG169766. CG169763, CG169764 cấp ngày 18/9/2017 của Sở tài nguyên môi trường cấp đối với 15 ha đất theo thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16 tọa lại tại xã Đ, huyện Phong Điền được cấp cho cả 3 người là ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Yên P. Bản thân ông D là người có một phần quyền và nghĩa vụ trên diện tích 15ha này đồng đều, công bằng với 2 đồng quyền sử sụng đất còn lại là ông Nguyễn Yên P và Nguyễn Văn H. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cũng không phân chia phần của các ông là như thế nào, cụ thể là bao nhiêu. Do đó, việc chỉ một mình ông Nguyễn Văn D khởi kiện và đòi lại 15ha đất mà chưa có sự đồng ý hay ủy quyền của hai đồng quyền sử dụng đất còn lại là không có cơ sở.

Căn cứ Điều 101, khoản 2 Điều 102, Điều 506 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D.

Tại phiên tòa ông P đề nghị thay đổi tư cách tham gia tố tụng từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H thành người bị kiện, xét thấy sau khi Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 04/01/2019, đến ngày 15/01/2019 ông P mới có đơn thay đổi là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu; căn cứ khoản 1 Điều 244 đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về ý kiến bà Lê Phương H yêu cầu xem xét Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 01/2018/QD-BPKCTT ngày 12/10/2018 (Thông báo số sữa chữa, bổ sung quyết định số 1468/TB-TA ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền) về việc "cấm bà H thả giống nuôi tôm". Tại phiên Tòa ông Nguyễn Yên P cũng yêu cầu Tòa án rút yêu cầu của áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Ngoài ra, bà Lê Phương H cho rằng việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã gây thiệt hại trong việc nuôi trồng thủy sản, nhưng tại phiên tòa bà không cung cấp được các chứng cứ chứng minh thiệt hại tài sản, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định. Nếu sau này, bà có căn cứ chứng minh thiệt hại do việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý số: 02/2014/TLST-KDTM ngày 21/07/2014 về tranh chấp "Yêu cầu hủy hợp đồng hợp tác đầu tư nuôi trồng thủy sản và đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất" qua quá trình giải quyết đến ngày 10/02/2015 Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 01/2015/QĐST-KDTM với nhận định ông Nguyễn Yên P và ông Nguyễn Văn D không phải là người được ủy ban nhân dân huyện Phong Điền giao quyền sử dụng đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 3025752 ngày 10/01/2011 nên ông D và ông P không có quyền khởi kiện; đến ngày 24/02/2015 ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Văn P có đơn kháng cáo quyết định số 01/2015/QĐST-KDTM ngày 10/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền; ngày 04/05/2015 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã có thông báo số 84/TBTL-PT về việc thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm. Đến ngày 18/04/2018 tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quyết định số 02/2018/QĐPT-KDTM Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án; chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Yên P: Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2015/QĐST-KDTM ngày 10/02/2015 của tòa án nhân dân huyện Phong Điền và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho tòa án nhân dân huyện Phong Điện, tỉnh Thừa Thiên Huế để giải quyết theo quy định chung.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Phong Điền nhận được hồ sơ vụ án đã xem xét lại đơn khởi kiện ngày 01/07/2014 nhận thấy đây là vụ án tranh chấp về dân sự do đó

đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án số 11/TB-TLVA ngày 08/05/2018 để giải quyết yêu cầu "Tuyên hủy hợp đồng thỏa thuận (Hợp đồng hợp tác đầu tư nuôi trồng thủy sản ngày 01/01/2012) giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Hà Đ và vợ chồng ông Lê Văn X, bà Lê Phương H; tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất" việc thụ lý lại vụ án là đảm bảo theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu thay đổi người tham gia tố tụng của ông Nguyễn Yên P, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 04/01/2019, đến ngày 15/01/2019 ông P mới có đơn thay đổi địa vị người tham gia tố tụng vị là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, đồng thời tại phiên Tòa ông P không cung cấp được tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu này; căn cứ khoản 1 Điều 244, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2] Về giải quyết yêu cầu khởi kiện: Qua quá trình giải quyết vụ án, đến ngày 05/10/2018 ông Nguyễn Yên P và ông Nguyễn văn D rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu "Hủy hợp đồng hợp tác đầu tư nuôi trồng thủy sản ký ngày 01/01/2012 giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Hà Đ và vợ chồng ông Lê Văn X, bà Lê Phương H. Qua xem xét đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã chấp nhận và ban hành Quyết định số: 23/2018/QDST-DS ngày 08/10/2018 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

[3] Về yêu cầu tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Yên P đã rút yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất với ông Lê Văn X và bà Lê Phương H là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm g khoản 1 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông P.

Xét yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của đồng nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D buộc vợ chồng ông Lê Văn X và bà Lê Phương H trả lại quyền sử dụng thửa đất số 16 tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế với diện tích 150.000 m^2, thửa đất đang tranh chấp kể trên được Nhà nước cho nhóm hộ ông Nguyễn Văn Hùng thuê đất có thời hạn và mục đích sử dụng chung vào ngày 10/01/2011. Đến ngày 18/9/2017 Sở tài nguyên môi trường cấp đổi bổ sung 15 ha đất cho cả 3 hộ là ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Yên P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG169766. CG169763, CG169764. Nên quyền và lợi ích của mọi người trong nhóm hộ như nhau, thửa đất nói trên thuộc tài sản chung hợp nhất không thể phân chia theo phần, do đó việc định đoạt phải có sự thỏa thuận của tất cả thành viên hộ gia đình, tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 212 và khoản 2 Điều 506 Bộ luật dân sự; mặt khác tại phiên tòa ông D thừa nhận sau khi ông H ký kết hợp tác đầu tư với vợ chồng ông Lê Văn X và bà Lê Phương H vào ngày 01/01/2012 thì ông được ông X giao giám sát công trình xây dựng cơ sở hạ tầng để phục vụ việc nuôi trồng; tiếp đến vào ngày 13/5/2012 ông D, ông P, ông H và ông X lập tiếp biên bản thỏa thuận chấp nhận mọi cam kết thỏa thuận giữa ông H ông X và giao toàn quyền định đoạt cho ông H về việc cam kết,

thỏa thuận với ông X mà không có bất kỳ khiếu nại nào, như vậy thỏa thuận ngày 13/5/2012 vẫn còn hiệu lực. Phía bị đơn (bà H) và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn (anh T) cho rằng: việc sử dụng một phần diện tích đang tranh chấp kể trên là do giữa ông H, bà Đ cùng ông X, bà H ký kết hợp đồng thỏa thuận "Hợp tác đầu tư nuôi trồng thủy sản" vào ngày 01/01/2012. Tại thời điểm này trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ mang tên nhóm hộ ông Nguyễn Văn H nên ông X bà H đã góp vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khi thực hiện việc hợp tác đầu tư đến giai đoạn 2 thì phía ông H không chịu góp vốn, nên việc phân chia quyền lợi chưa được thực hiện; đối với ông D và ông Y thì vợ chồng bà không xâm phạm quyền lợi ích gì của các ông, do đó việc ông D yêu cầu là không có căn cứ, vì vậy bà H đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 102; khoản 2 Điều 212; khoản 2 Điều 506 và khoản 2 Điều 166 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xét yêu cầu của ông D là không có cơ sở, vì vậy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

[4] Tại phiên Tòa ông Nguyễn Yên P cũng yêu cầu Tòa án rút yêu cầu của áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Đồng thời yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D không được chấp nhận. Vì vậy lý do để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không còn, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 138 Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 01/2018/QD-BPKCTT ngày 12/10/2018 (Thông báo số sữa chữa, bổ sung quyết định số 1468/TB-TA ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền) về việc "cấm bà H thả giống nuôi tôm".

[5] Về chi phí định giá: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên Nguyễn Yên P và ông Nguyễn Văn D phải chịu chi phí định giá là: 1.300.000 đồng (có chứng từ kèm theo hồ sơ vụ án). ông Nguyễn Yên P và ông Nguyễn Văn D đã tạm nộp chi phí với số tiền 3.00.000 đồng nên được nhận lại số tiền 1.700.000 đồng (ông Nguyễn Yên P và ông Nguyễn Văn D đã nhận đủ số tiền 1.700.000 đồng theo biên lai nhận tiền ngày 28/01/2019).

Về án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí 200.000 đồng; ông Nguyễn Yên P được hoàn trả tiền số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo luật định.

Ông Nguyễn Yên P và ông Nguyễn Văn D rút yêu cầu Hủy hợp đồng thỏa thuận (Hợp đồng hợp tác đầu tư nuôi trồng thủy sản) nên được trả lại số tiền 200.000 đồng (Do ông D và ông P cùng nộp 400.000 đồng số tiền tạm ứng án phí, nên số tiền còn lại 200.000 đồng được trả cho ông P).

[6] Thông qua việc xét xử Tòa án nhân dân huyện Phong Điền nhận thấy cần phải kiến nghị UBND huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét một số vấn đề sau:

Vào ngày 26/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã thành lập Hội đồng đo đạc, định giá tài sản tranh chấp thuộc tờ bản đồ số 16, thửa đất số 16 tọa lạc tại xã Đ, huyện Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế. Hội đồng tiến hành đo đạc thực tế

theo tọa độ mốc giới thửa đất có tổng diện tích theo hiện trạng là 151.114,3 m^2, căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho nhóm hộ ông Nguyễn Yên P, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn H vào ngày 18/9/2017 có diện tích là 150.000 m^2. Như vậy diện tích mà nhóm hộ đang sử dụng vượt quá diện tích được cấp là (151.114,3 m^2 - 150.000 m^2) = 1.114,3 m^2, đề nghị UBND ra quyết định thu hồi phần diện tích đất vượt quá của nhóm hộ trên là 1.114,3 m^2.

Qua đo đạc thực tế ngày 26/10/2018 và lời khai của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trên thửa đất này có một phần diện tích chưa sử dụng là 59.931,3 m^2. Căn cứ khoản 12 Điều 38 Luật đất đai năm 2003 đề nghị UBND huyện Phong Điền xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

(Có bản vẽ thửa đất tranh chấp kèm theo).

Từ những nhận xét trên, Tòa án nhân dân huyện Phong Điền.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26; a khoản 1 Điều 138; khoản 1 Điều 147; điểm g khoản 1 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218 và Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 18; khoản 2 Điều 24; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá XII quy định về án phí;

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 102; khoản 2 Điều 212; khoản 2 Điều 506 và khoản 2 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử :

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc đòi lại quyền sử dụng đất đối với ông Lê Văn X và bà Lê Phương H.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của ông Nguyễn Yên P về việc đòi lại quyền sử dụng đất đối với ông Lê Văn X và bà Lê Phương H.

3. Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, theo Quyết định số 01/2018/QD-BPKCTT ngày 12/10/2018 (Thông báo số sữa chữa, bổ sung quyết định số 1468/TB-TA ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền) về việc "cấm bà Lê Phương H thả giống nuôi tôm".

4. Về chi phí định giá: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên Nguyễn Yên P và ông Nguyễn Văn D phải chịu chi phí định giá là: 1.300.000 đồng (có chứng từ kèm theo hồ sơ vụ án). ông Nguyễn Yên P và ông Nguyễn Văn D đã tạm nộp chi phí với số tiền 3.00.000 đồng nên được nhận lại số tiền 1.700.000 đồng (ông Nguyễn Yên P và ông Nguyễn Văn D đã nhận đủ số tiền 1.700.000 đồng theo biên lai nhận tiền ngày 28/01/2019).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí 200.000 đồng, về yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất không được chấp nhận theo luật định (số tiền 200.000 đồng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 001479 ngày 21/7/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế).

Ông Nguyễn Yên P được trả lại số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí. Theo biên lai tạm ứng án phí số: 001479 ngày 21/7/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bị đơn và có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Văn Đạt

Nơi nhận:
-TAND tỉnh TT Huế;
-VKSND huyện Phong Điền;
-UBND huyện Phong Điền;
-Các đương sự;
-Chi cục THA DS huyện Phong Điền;
-Lưu hồ sơ.